

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC CHI TIÊU CHO GIÁO DỤC CỦA CÁC NÔNG HỘ TẠI ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

DETERMINANTS AFFECTING HOUSEHOLDS' EXPENDITURE ON EDUCATION IN TRAVINH PROVINCE

Trần Tùng Chinh¹, Nguyễn Văn Vũ An²

Tóm tắt – Mục tiêu của bài viết là phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc chi tiêu cho giáo dục của nông hộ tại địa bàn tỉnh Trà Vinh. Số liệu được thu thập bằng cách phỏng vấn trực tiếp 200 nông hộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Đề tài ứng dụng mô hình Heckman hai bước để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư và số tiền đầu tư cho giáo dục của nông hộ. Kết quả ước lượng cho thấy, các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư cho giáo dục của nông hộ bao gồm: dân tộc, học phí, tình trạng gia đình, giá trị tài sản, khoảng cách. Bên cạnh đó, các biến học phí, học thêm, tổng số đi học, thu nhập cũng ảnh hưởng đến số tiền đầu tư và góp phần làm tăng khoản chi tiêu này.

Từ khóa: chi tiêu giáo dục, mô hình Heckman hai bước, nông hộ Trà Vinh, số tiền đầu tư, quyết định đầu tư.

Abstract – This paper aims to analyze the factors affecting the expenditure on education of farming households in Tra Vinh province. The data were collected from the interviews with 200 farmers in Tra Vinh province. The two-stage Heckman model was applied to identify the determinants affecting the decision and amount of investment in education of the farming households. The estimated results showed that factors affecting the educational investment decision included ethnicity, tuition fees, household poverty status,

asset value, and distance to school. In addition, other variables such as tuition fees, extra classes, total schooling members, household income also affected the amount of investment, which contributed to the increase of these expenses.

Keywords: educational expenditure, two-stage Heckman model, Tra Vinh farming household, investment amount, investment decision.

I. GIỚI THIỆU

Ngày nay, quyết định đầu tư cho giáo dục của các nông hộ có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao trình độ và góp phần vào sự phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống của con người. Trong đó, vai trò của các nông hộ là không thể thiếu, các nông hộ và nhà trường là cầu nối để học sinh, sinh viên được tiếp cận và trau dồi kiến thức, hoàn thiện bản thân tốt hơn. Theo Tổng cục Thống kê, toàn tỉnh Trà Vinh có 472 trường học với 120 trường mẫu giáo, 213 trường tiểu học, 100 trường trung học cơ sở, 29 trường trung học phổ thông, 3 trường cao đẳng, đại học, 1 trường phổ thông cơ sở và 6 trường trung học nằm trên các địa bàn ấp, xã, huyện, tỉnh, Thành phố với tổng số 212.647 người theo học với các cấp học khác nhau [1]. Nhìn chung, giáo dục hiện nay của tỉnh Trà Vinh được phân bố rộng khắp các vùng, đặc biệt là những vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa và có thể thấy được tình hình giáo dục trên địa bàn đang dần được cải thiện và phát triển trên tất cả các xã, huyện nói riêng và tỉnh Trà Vinh nói chung. Tuy nhiên, khả năng đầu tư cho giáo dục của nhiều gia đình còn hạn chế do học sinh còn bỏ học nửa chừng, điều kiện kinh tế còn nhiều

¹Sinh viên, lớp Đại học Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Trà Vinh

Email: trantungchinhentv@gmail.com

²Văn phòng Đoàn – Hội, Trường Đại học Trà Vinh

Ngày nhận bài: 03/10/2017; Ngày nhận kết quả bình duyệt: 18/11/2017; Ngày chấp nhận đăng: 21/12/2017

khó khăn, học vấn chủ hộ thấp, tuổi cha và mẹ cao, thiếu sự quan tâm của gia đình [2].

Ngoài ra, tổng hợp mới nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thống kê cả nước có 19 tỉnh có học sinh THCS và THPT bỏ học cao nhất. Trong đó, Trà Vinh chiếm tỉ lệ 9,81% và 2% tỉ lệ học sinh tiểu học bỏ học cao nhất cả nước [3]. Bên cạnh đó, toàn tỉnh Trà Vinh hiện nay có hơn 300.000 đồng bào dân tộc Khmer sinh sống, chiếm khoảng 30% số dân của tỉnh. Đây là một thử thách trong việc giáo dục, đào tạo đối với người dân tộc [4]. Ngoài những yếu tố tác động từ gia đình, một số yếu tố bên ngoài làm ảnh hưởng đến việc chi tiêu giáo dục của nông hộ như thu nhập bình quân còn thấp, vị trí sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, các khoản chi phí học thêm, học phí ngày càng tăng theo cơ chế thị trường, tiếng Việt kém. Điều đó làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc đầu tư cho giáo dục của họ [2], [5]. Mặt khác, do đặc thù của địa bàn nghiên cứu, các yếu tố dân tộc, giá trị tài sản và số năm sinh sống tại địa phương có khả năng ảnh hưởng đến quyết định đầu tư cho giáo dục của các nông hộ.

Xuất phát từ bối cảnh trên, bài viết này sẽ hướng đến giải quyết các mục tiêu sau: (i) đánh giá tình hình chi tiêu cho giáo dục của các nông hộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; (ii) phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư và số tiền đầu tư giáo dục của nông hộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; (iii) đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc chi tiêu cho giáo dục của nông hộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Ngày nay, các công trình nghiên cứu về chi tiêu cho giáo dục của các nông hộ được nhiều nhà nghiên cứu trong nước và ngoài nước quan tâm. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu đáng chú ý có liên quan đến vấn đề nghiên cứu này bao gồm:

Mauldin et al. [6] phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng chi tiêu cho giáo dục của hộ gia đình ở các vùng miền, trên cơ sở sử dụng bộ dữ liệu có được từ khảo sát chi tiêu năm 1996 của Cục Thống kê Lao động Hoa Kỳ. Kết quả phân tích mô hình Tobit khẳng định thu nhập sau thuế của cha mẹ càng cao thì họ càng sẵn lòng hơn trong chi tiêu giáo dục của con cái, vị trí sinh

sống của hộ gia đình và trình độ học vấn, cấu trúc gia đình, giới tính của trẻ, nghề nghiệp chủ hộ có tác động tích cực đối với việc chi tiêu của các hộ gia đình. Bên cạnh đó, các bậc cha mẹ trong mô hình nghiên cứu nhận thức được rằng nếu họ đầu tư nhiều tiền cho việc học của con mình thì chính con của họ sẽ nhận được kết quả tốt đẹp trong tương lai về tri thức và chất lượng cuộc sống.

Tilak et al. [7] mô tả các yếu tố tác động đến chi tiêu cho giáo dục của các hộ gia đình nông thôn ở Ấn Độ. Kết quả thống kê mô tả cho thấy các yếu tố tác động chi tiêu cho giáo dục của các nông hộ cho trẻ phụ thuộc vào các yếu tố như thu nhập của hộ, trình độ học vấn và giá trị tài sản của chủ hộ, giới tính của trẻ, quy mô hộ gia đình, các chỉ số phát triển của làng xã, vị trí hộ sinh sống, học phí và các khoản trợ cấp khác. Kết quả nghiên cứu cho thấy thu nhập, quy mô của hộ, vị trí sinh sống ảnh hưởng tích cực đối với việc chi tiêu cho giáo dục. Các yếu tố còn lại không có ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng không đáng kể đến chi tiêu cho giáo dục của hộ.

Meng Zhao et al. [8] phân tích các nhân tố tác động đến việc nhập học của cá nhân trong hộ gia đình ở miền nông thôn Trung Quốc trên cơ sở hệ thống dữ liệu điều tra một số hộ gia đình được chọn ngẫu nhiên ở đây. Kết quả phân tích mô hình hồi quy Probit chỉ ra rằng nhu cầu cho đi học của các cá nhân thuộc hộ gia đình là một hàm các yếu tố ảnh hưởng đến chi phí và lợi ích của việc học thêm gồm các biến: giới tính, tuổi, thu nhập, tình trạng dinh dưỡng, trình độ học vấn của cha và mẹ, mức học phí, nhận thức về giáo dục giới tính của cha và mẹ, mong muốn của cha mẹ về trình độ đạt được của trẻ, chi tiêu bình quân, khoảng cách từ nhà đến trường. Kết quả của nghiên cứu cho thấy tình trạng dinh dưỡng của trẻ và thu nhập của hộ gia đình có tác động tích cực đến việc nhập học của trẻ. Trình độ học vấn, mong muốn của cha mẹ về trình độ đạt được của trẻ cũng tác động mạnh mẽ. Với số liệu được thu thập, bài viết chưa phát hiện các biến như giới tính, tuổi, chi tiêu bình quân, khoảng cách từ nhà đến trường và mức học phí ảnh hưởng đến việc nhập học của trẻ.

Donkol et al. [9] chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng đến chi tiêu cho giáo dục ở Ghana bằng

mô hình Logit với bộ số liệu sử dụng từ cuộc điều tra mức sống 2006 – 2007. Kết quả nghiên cứu cho thấy giới tính, tuổi, trình độ học vấn, giá trị tài sản lâu bền, vị trí sinh sống, xe buýt cá nhân là những nhân tố ảnh hưởng đến việc chi tiêu cho giáo dục. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn cho thấy các hộ gia đình chủ hộ là nữ, gia đình có đông trẻ đi học, thời gian gia đình sống ở nông thôn cần được sự quan tâm hỗ trợ nhiều hơn nữa của chính phủ. Weichi et al. [10] phân tích các yếu tố làm ảnh hưởng đến chi tiêu của các hộ gia đình ở Trung Quốc trên cơ sở sử dụng bộ số liệu khảo sát hộ gia đình từ năm 2007 và 2011 được sử dụng để phân tích. Kết quả phân tích hồi quy đa biến cho thấy khả năng chi tiêu giáo dục của trẻ em phụ thuộc vào các yếu tố như: thu nhập, các khoản chi phí học thêm ngoài trường, học vấn chủ hộ.

Elif Öznur Acarc [11] phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chi tiêu của hộ gia đình ở Thổ Nhĩ Kỳ trong khuôn khổ Engel trên cơ sở sử dụng bộ số liệu khảo sát ngân sách hộ gia đình từ năm 2003, 2007, 2012 được sử dụng để phân tích. Kết quả phân tích mô hình Tobit cho thấy các yếu tố tác động đến quyết định chi tiêu gồm: vị trí sinh sống, việc làm, tuổi chủ hộ, học vấn chủ hộ, tổng số học sinh trong gia đình. Ngoài ra, kết quả còn cho thấy ngân sách các hộ gia đình phân bổ vào chi tiêu giáo dục của hộ tương đối cao.

Đào Thị Yên Nhi [12] đánh giá tác động của đặc điểm hộ gia đình đến chi tiêu giáo dục trung học của hộ gia đình Việt Nam với bộ số liệu khảo sát mức sống hộ dân cư để đánh giá. Kết quả phân tích mô hình hồi quy đa biến cho thấy, các biến dân tộc chủ hộ, giới tính, học vấn chủ hộ, đặc điểm chủ hộ (vị trí, vùng miền, khu vực sinh sống, kinh tế) có tác động trong mô hình nghiên cứu của họ.

Phạm Lê Thông, Lê Thanh Hoàng Huy [13] phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu cho xổ số kiến thiết của người dân ở Thành phố Cần Thơ trên cơ sở số liệu thu thập được từ 400 cá nhân. Kết quả phân tích mô hình Tobit cho thấy khách hàng có độ tuổi càng cao, dân tộc Kinh, có học vấn cao thì có mức chi tiêu trung bình cho xổ số thấp hơn. Những người đang sống với vợ/chồng, có thu nhập cao, tiếp xúc được với người bán vé số lẻ, làm nghề kinh doanh tự do chi

cho xổ số nhiều hơn những người khác. Ngoài ra, việc trong gia đình có người đã từng trúng thưởng lớn từ xổ số cũng sẽ kích thích người chơi mua nhiều vé số hơn. Những người chơi xổ số chủ yếu có mong muốn trúng thưởng và giúp những người bán gặp khó khăn.

Khổng Tiên Dũng, Phạm Lê Thông [5] phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu cho giáo dục của người dân ở Đồng bằng sông Cửu Long trên cơ sở sử dụng Bộ số liệu Điều tra mức sống dân cư 2010 để phân tích. Kết quả phân tích mô hình hồi quy kiểm duyệt Tobit chỉ ra rằng, các yếu tố quan trọng tác động đến mức chi tiêu cho giáo dục của người dân bao gồm: trình độ học vấn của chủ hộ, tuổi của chủ hộ, tổng thu nhập trong gia đình. Các yếu tố như: học thêm, số người nam và người nữ đi học trong gia đình cũng góp phần làm tăng khoản chi tiêu này. Với số liệu được thu thập, bài viết chưa phát hiện các biến giới tính chủ hộ, vị trí, trợ cấp, nhóm tính ảnh hưởng đến chi tiêu giáo dục của người dân.

Phạm Công Hữu, Thạch Ngọc Tuấn [2] điều tra nguyên nhân, nhân tố ảnh hưởng và đề xuất giải pháp cải tiến sự bỏ học của học sinh dân tộc Khmer, trên cơ sở sử dụng số liệu được thu thập bằng phương pháp thảo luận nhóm tập trung, phỏng vấn bán cấu trúc và điều tra nông hộ, được phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả, hồi quy tương quan đa biến và ma trận SWOT. Nghiên cứu đã tìm thấy: nguyên nhân bỏ học của học sinh dân tộc Khmer là hộ kinh tế khó khăn, không có động cơ học tập và học lực yếu, kém, thiếu sự quan tâm của cha mẹ, đầu tư giáo dục thấp, thiếu phương tiện học tập và sức khỏe yếu. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc bỏ học của học sinh dân tộc Khmer là học vấn của cha và mẹ thấp, có nhiều lao động phụ thuộc, thu nhập thấp, tuổi của cha và mẹ cao, cha và mẹ phải đi làm xa, tiếng Việt kém, thiếu sự quan tâm của cha mẹ, sức khỏe yếu.

Qua các lược khảo trên, tác giả nhận thấy công trình nghiên cứu trong và ngoài nước sử dụng các phương pháp nghiên cứu như thống kê mô tả, hồi quy đa biến, mô hình Logit, Probit, Tobit. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chỉ phân tích ở một khía cạnh của các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư hoặc số tiền đầu tư. Đây chính là cơ sở để tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu và các đo lường trong nghiên cứu của tác giả.

Dựa vào tình hình thực tế, khả năng đầu tư cho giáo dục của nông hộ xảy ra hai quyết định liên tiếp nhau: quyết định đầu tư cho giáo dục hay không? Và mức độ đầu tư cho giáo dục (số tiền chi tiêu) là bao nhiêu? Hai quyết định này có liên quan với nhau nhưng các nhân tố có thể ảnh hưởng khác nhau. Để có thể trả lời được đồng thời hai câu hỏi nghiên cứu này, tác giả đã áp dụng mô hình Heckman hai bước (1979) để ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư và số tiền chi tiêu cho giáo dục của nông hộ trên địa bàn.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

A. Phương pháp thu thập số liệu

Mẫu số liệu sử dụng trong đề tài là số liệu sơ cấp được thu thập từ phỏng vấn trực tiếp 200 nông hộ bằng bảng câu hỏi theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng ở hai huyện Cầu Ngang và Trà Cú của tỉnh Trà Vinh. Lý do chọn hai huyện này nghiên cứu vì có nhiều thuận lợi trong việc tiếp cận đối tượng nghiên cứu (chi phí thu thập số liệu thấp, không mất nhiều thời gian để thu thập số liệu, quen thuộc địa bàn nghiên cứu nên dễ được nông hộ chấp nhận cho phỏng vấn). Nguồn thông tin thứ cấp nghiên cứu đề tài được thu thập từ các báo cáo tổng kết, các thông tin cập nhật từ mạng Internet, tạp chí, báo cáo khoa học.

B. Phương pháp phân tích số liệu

Bài viết sử dụng phương pháp thống kê mô tả tình hình giáo dục và chi tiêu cho giáo dục của các nông hộ tại địa bàn tỉnh Trà Vinh trên cơ sở thu thập số liệu sơ cấp từ cuộc phỏng vấn 200 nông hộ. Thống kê mô tả là việc mô tả dữ liệu bằng các phép tính và chỉ số thống kê thông thường như số trung bình, nhỏ nhất, lớn nhất, độ lệch chuẩn, bảng tần số.

Bài viết này sử dụng mô hình hồi quy hai bước của Heckman [14] để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư và số tiền chi tiêu cho giáo dục của các nông hộ tại địa bàn tỉnh Trà Vinh. Việc sử dụng mô hình Heckman hai bước nhằm kiểm soát các sai số chọn mẫu do hiện diện của các biến không quan sát được và khắc phục được tính chệch và không vững do chọn mẫu của mô hình OLS (Ordinary Least Squares).

Để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư cho giáo dục của các nông hộ, biến phụ thuộc ở đây là biến nhị phân thể hiện hai khả năng có quyết định đầu tư hay không đầu tư. Bước thứ nhất sử dụng trong mô hình hồi quy của Heckman là sử dụng mô hình đơn vị xác suất (Binary Logit) để ước lượng đơn vị biến phụ thuộc dựa trên quyết định đầu tư hay không đầu tư cho giáo dục. Mô hình này có dạng: $Y_i = \beta_0 + \beta_1 DANTOC + \beta_2 HVCH + \beta_3 TUICH + \beta_4 VITRI + \beta_5 GTTS + \beta_6 KHOANGCACH + \beta_7 HOCPHI + \beta_8 HOCTHEM + \beta_9 TROCAP + \beta_{10} TONGSODIHOC + \beta_{11} TTGD + \epsilon_i$

Trong đó:

Y_i : Biến phụ thuộc, nhận giá trị 1 nếu nông hộ quyết định đầu tư cho giáo dục, nhận giá trị là 0 nếu ngược lại.

Các biến giải thích lần lượt được trình bày ở Bảng 1.

Để ước lượng số tiền chi tiêu cho giáo dục của các nông hộ, phương pháp bình phương nhỏ nhất (OLS) được sử dụng ở bước thứ hai trong mô hình của Heckman. Mô hình được sử dụng ở đây có dạng như sau: $Y = \beta_0 + \beta_1 VITRI + \beta_2 THUNHAP + \beta_3 HOCTHEM + \beta_4 HVCH + \beta_5 TONGSODIHOC + \beta_6 TINHTRANGGIADINH + \beta_7 HOCPHI + \beta_8 SONAMSINHSONG + \epsilon_i$

Trong đó:

Y : Biến phụ thuộc, là số tiền chi tiêu cho giáo dục của nông hộ. Các biến giải thích lần lượt được trình bày ở Bảng 2.

ϵ_i : sai số

IV. KẾT QUẢ THẢO LUẬN

A. Thực trạng tình hình chi tiêu cho giáo dục của nông hộ

Kết quả phỏng vấn trực tiếp 200 nông hộ tại địa bàn tỉnh Trà Vinh cho thấy, chủ hộ chủ yếu là người dân địa phương nên vị trí sinh sống của họ phần lớn ở nông thôn với 171 quan sát (chiếm 85,5%) và thành thị là 29 quan sát (chiếm 14,5%). Bên cạnh đó, trình độ học vấn của họ tương đối thấp với 56 quan sát hộ có trình độ học vấn chưa tốt nghiệp trung học cơ sở, chiếm 28% và 144 quan sát hộ có trình độ học vấn đã tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên, chiếm 72%.

Bảng 1. Diễn giải các biến giải thích trong mô hình đơn vị xác suất

Biến số	Diễn giải	Dấu kì vọng	Tham khảo
DANTOC	Dân tộc (1.Kinh, 0.Khmer,)	+	Phạm Lê Thông, Lê Thanh Hoàng Huy (2013), Đào Thị Yến Nhi (2013)
HVCH	Học vấn chủ hộ (1: Tốt nghiệp trung học cổ sở trở lên, 0: ngược lại)	+/-	Elif Öznur Acarc (2016), Tilak, Khổng Tiến Dũng, Phạm Lê Thông (2014)
TUOICH	Tuổi chủ hộ	+	Elif Öznur Acarc (2016), Khổng Tiến Dũng, Phạm Lê Thông (2014)
VITRI	Vị trí: (1: nông thôn, 0: thành, thị)	+/-	Mauldin và cộng sự (2001), Khổng Tiến Dũng, Phạm Lê Thông (2014)
GTTS	Giá trị tài sản của chủ hộ	+	Donkol & Amikuzunol (2011)
KHOANGCACH	Khoảng cách từ nơi ở của chủ hộ đến trường học (km)	+	Meng Zhao & Paul Glewwe (2007)
HOCPhi	Học phí (triệu đồng)	+	(Tilak, Jandhyala B.G, 2002), Meng Zhao & Paul Glewwe (2007)
HOCTHEM	Học thêm (1: có người đi học thêm; 0: không có người đi học)	+	Khổng Tiến Dũng, Phạm Lê Thông (2014)
TROCAP	Trợ cấp : (1: có nhận trợ cấp cho giáo dục; 0: không được nhận trợ cấp cho giáo dục)	+/-	Khổng Tiến Dũng, Phạm Lê Thông (2014)
TONGSODIHOC	Tổng số thành viên trong gia đình đi học (người)	+	Elif Öznur Acarc (2016), Khổng Tiến Dũng, Phạm Lê Thông (2014)
TTGD	Tình trạng gia đình (1: hộ nghèo, cận nghèo 0: ngược lại)	+	Tilak, Jandhyala B.G (2002), Mauldin và cộng sự (2001)

(Nguồn: Khảo sát thực tế của Tác giả, 2017)

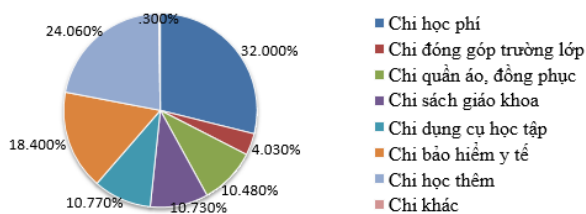
Bảng 2. Diễn giải các biến giải thích trong mô hình

Biến số	Diễn giải	Dấu kì vọng	Tham khảo
VITRI	Vị trí: (1: nông thôn, 0: thành thị)	+/-	Mauldin và cộng sự(2001), Khổng Tiến Dũng, Phạm Lê Thông (2014) (2001)
THUNHAP	Tổng thu nhập của gia đình (triệu đồng)	+	Meng Zhao & Paul Glewwe (2007), Khổng Tiến Dũng, Phạm Lê Thông (2014)
HOCTHEM	Học thêm (1: có người đi học thêm; 0: không có người đi học thêm)	+	Khổng Tiến Dũng, Phạm Lê Thông (2014)
HVCH	Học vấn chủ hộ (1: Tốt nghiệp trung học cổ sở trở lên, 0: ngược lại)	+/-	Elif Öznur Acarc (2016), Khổng Tiến Dũng, Phạm Lê Thông (2014)
TONGSODIHOC	Tổng số thành viên trong gia đình đi học (người)	+	Elif Öznur Acarc (2016), Khổng Tiến Dũng, Phạm Lê Thông (2014)
TTGD	Tình trạng gia đình (1: hộ nghèo, cận nghèo; 0: ngược lại).	+	Tilak, Jandhyala B.G (2002), Mauldin và cộng sự (2001)
HOCPhi	Học phí (triệu đồng)	+	Meng Zhao & Paul Glewwe (2007) (Tilak, Jandhyala B.G (2002)
SONAMSINHSONG	Số năm sinh sống tại địa phương (năm)	+/-	Donkol & Amikuzunol (2011), Đào Thị Yến Nhi (2013)

(Nguồn: Khảo sát thực tế của Tác giả, 2017)

Như vậy, có thể nói trình độ học vấn của chủ hộ trong gia đình có thể ảnh hưởng đến nhận thức và tầm quan trọng của giáo dục đối với các thành viên tham gia giáo dục trong gia đình hiện nay.

Ngoài ra, trên địa bàn khảo sát có hai thành phần dân tộc, chủ hộ là dân tộc Kinh với 128 quan sát (chiếm 64%) và dân tộc Khmer chiếm 36% với (72 quan sát) và các hộ nhận được sự trợ cấp về giáo dục là các hộ thuộc diện gia đình chính sách, hộ thuộc vùng dân tộc thiểu số hay các hộ có hoàn cảnh khó khăn nhưng đa số phần lớn nhận được trợ cấp là rất thấp. Hiện nay, tỉ lệ hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn được cải thiện chiếm 20% với (40 quan sát). Phần lớn các nông hộ thuộc dạng trung bình trở lên với 160 quan sát (chiếm 80%), đa số các nông hộ có điều kiện kinh tế tương đối ổn định.



Hình 1: Các khoản chi phí của nông hộ cho giáo dục

Nguồn: Khảo sát thực tế của Tác giả, 2017

Qua khảo sát cho thấy, tổng chi tiêu cho giáo dục của các nông hộ tương đối cao, trung bình 575.856 triệu/năm. Như vậy, mặt bằng chung về cơ cấu chi tiêu của người dân trong vùng có sự quan tâm và chú trọng trong việc đầu tư vào giáo dục. Tuy nhiên, thu nhập giữa các nông hộ có sự chênh lệch nên các hộ có thu nhập cao sẽ có điều kiện tốt hơn so với các hộ có thu nhập thấp. Điều này có thể giải thích bởi mặt bằng chung ở trong khu vực có sự khác nhau giữa điều kiện kinh tế và mức thu nhập của họ khác nhau nên mức đầu tư cho con em đi học cũng khác nhau.

Trong tổng số tiền chi tiêu của nông hộ cho giáo dục, chủ yếu là chi cho học phí (chiếm 32%) và chi cho học thêm (chiếm 24%). Ngoài ra, các khoản chi còn lại thường là các chi phí cho bảo hiểm y tế, dụng cụ học tập, sách vở, quần áo, các khoản chi phí này thường xuyên và đặc biệt rất quan trọng đối với các em học sinh, bởi lẽ các khoản chi phí này hầu như bắt buộc, là điều

kiện cần thiết và nền tảng để giúp sinh viên, học sinh đến trường. Các khoản chi còn lại chiếm tỉ trọng khá thấp trong tổng chi tiêu cho giáo dục, thấp nhất là chi khác và đóng góp cho trường lớp. Nhìn chung, tình hình chi cho giáo dục của nông hộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh tương đối cao.

Kết quả ở Bảng 3 cho thấy giá trị tài sản của nông hộ có giá trị trung bình là 299,85 triệu đồng, cao nhất là 1.600 triệu đồng, thấp nhất là 50 triệu đồng và thu nhập giữa các hộ cao nhất là 20 triệu đồng, trung bình 5,33 triệu, thấp nhất là 0,5 triệu. Nhìn chung, sự chênh lệch về thu nhập và giá trị tài sản giữa các hộ trong vùng là quá lớn có thể dẫn đến khả năng quyết định đầu tư và số tiền đầu tư cho giáo dục có phần chênh lệch và khác nhau, vì trên địa bàn khảo sát còn một số hộ là người dân tộc nên hộ còn nghèo và hoàn cảnh khó khăn so với mặt bằng hiện nay. Theo khảo sát thực tế, tuổi chủ hộ trung bình là 47,45 tuổi và các chủ hộ là người dân địa phương có số năm sinh sống trung bình 46,21 năm.

Bên cạnh đó, tổng số thành viên trong gia đình đi học bao gồm cả nam và nữ thì số người nam và người nữ đi học khá cao nhưng độ chênh lệch giữa hai bên khá thấp. Điều này có thể hiểu rằng, ngày nay các nông hộ đã thay đổi quan điểm, họ sẽ đầu tư cho cả hai giới đi học chứ không theo quan điểm xưa là cho nam đi học còn nữ ở nhà phụ giúp công việc. Ngoài ra, biến khoảng cách còn cho thấy hiện nay các địa điểm trường học được phân bố tương đối phù hợp với từng khu vực trên địa bàn với giá trị trung bình 3,533 km. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các học sinh đến trường. Tuy nhiên, giữa biến học phí và trợ cấp có sự chênh lệch rất lớn, học phí trung bình của một thành viên đi học có giá trị trung bình 0,922 (triệu đồng/ năm) và một số trường hợp được miễn giảm học phí đối với những gia đình dân tộc có hoàn cảnh khó khăn và nhận sự trợ cấp từ giáo dục. Ngoài ra, học phí rất cao đối với những gia đình có thành viên đi học ở các lớp cao đẳng, đại học dân lập, học phí đến 10 triệu đồng/năm.

Qua đó ta thấy, học phí tăng theo cơ chế thị trường và trợ cấp chỉ hỗ trợ cho những nông hộ thật sự khó khăn trong vùng. Bên cạnh đó, có 170 quan sát (chiếm 85%) số hộ quyết định đầu tư cho giáo dục và chỉ có 30 quan sát quyết định không đầu tư vào giáo dục (chiếm 15%). Số tiền

Bảng 3. Thống kê mô tả các biến trong mô hình

Biến số	Số quan sát	Nhỏ nhất	Trung Bình	Lớn nhất	Độ lệch chuẩn
Giá trị tài sản (Triệu đồng)	200	50	299,85	1600	16,599
Tuổi chủ hộ (năm)	200	24	47,45	80	0,846
Số nam đi học (người)	200	0	0,887	3	0,046
Số nữ đi học (người)	200	0	0,770	4	0,051
Tổng thu nhập (Triệu đồng/tháng)	200	0,5	5,330	20	0,277
Học phí (Triệu đồng)	200	0	0,922	10	0,118
Trợ cấp (Triệu đồng)	200	0	0,040	1	0,196
Tổng số đi học (người)	200	0	1,570	3	0,761
Số năm sinh sống (năm)	200	5	46,21	80	13,31
Khoảng cách (km)	200	0	3,533	18	2,800
Số tiền chi tiêu giáo dục (Triệu đồng)	200	0	3,903	25	0,267

(Nguồn: Khảo sát thực tế của Tác giả, 2017)

chi tiêu cho giáo dục của nông hộ cao nhất là 25 triệu đồng, trung bình 3,903 triệu đồng cho một quyết định đầu tư đối với các thành viên nhập học ở từng cấp bậc khác nhau trong gia đình.

B. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư cho giáo dục của các nông hộ tại địa bàn tỉnh Trà Vinh

Như đã trình bày ở phần phương pháp nghiên cứu, bài viết này sử dụng mô hình đơn vị xác suất (mô hình Binary Logit) để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư cho giáo dục của nông hộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Biến phụ thuộc trong mô hình là quyết định đầu tư hay không đầu tư cho giáo dục. Các biến giải thích là dân tộc, học vấn chủ hộ, tuổi chủ hộ, vị trí, giá trị tài sản, khoảng cách, học thêm, học phí, hỗ trợ giáo dục, tổng số đi học, tình trạng gia đình.

Theo kết quả mô hình nghiên cứu, kiểm định mô hình đơn vị xác suất có giá trị (Wald $\chi^2=37,01$, phần trăm dự báo chính xác 89,00%), cho thấy mô hình có sự phù hợp cao. Do đó, hoàn toàn có thể sử dụng kết quả của mô hình để giải thích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư cho giáo dục của nông hộ. Hơn nữa, hệ số tương quan Spearman giữa các biến đều $< 0,6$ cho thấy không có khả năng xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình.

Kết quả ước lượng được trình bày ở Bảng 4 cho thấy trong số 11 biến đưa vào mô hình thì 5 biến có ý nghĩa thống kê. Trong đó, biến dân tộc, giá trị tài sản, khoảng cách, học phí, tình trạng

Bảng 4. Kết quả ước lượng mô hình đơn vị xác suất

Biến Số	Hệ số ước lượng	dY/dX	Giá trị z
HANGSO	0,830	0,830	0,80
DANTOC	2,153	0,115	4,77***
HVCH	-0,048	-0,000	-0,12
TUOICH	-0,002	-0,000	-0,15
VITRI	-0,584	-0,015	-1,25
GTTS	-0,001	-0,000	-3,08***
KHOANGCACH	0,197	0,003	2,02**
HOCTHEM	0,080	0,001	0,21
HOCPhi	0,001	0,000	1,95*
TROCAP	0,120	0,002	0,16
TONGSODIHOC	-0,296	-0,004	-1,03
TTGD	-1,453	-0,076	-3,09***

Wald $\chi^2 = 37,01***$
Số quan sát : 200
Phần trăm dự báo chính xác: 89,00%

Ghi chú: *, **, *** lần lượt với mức ý nghĩa 10%, 5%, 1%, còn lại không có ý nghĩa.
(Nguồn: Khảo sát thực tế của Tác giả, 2017)

gia đình có ảnh hưởng đến quyết định đầu tư cho giáo dục. Tuy nhiên, hai biến giá trị tài sản và học phí có ảnh hưởng rất thấp (hệ số tác động biên gần như bằng 0, ở Bảng 4, tác giả làm tròn hệ số tác động biên của hai biến này là 0,000). Với giả thuyết các yếu tố khác không đổi, ảnh hưởng của từng yếu tố đến quyết định đầu tư cho giáo dục của nông hộ được diễn giải như sau:

- Biến dân tộc: Kết quả ước lượng cho thấy

biến giả này có ảnh hưởng cùng chiều với quyết định đầu tư cho giáo dục của nông hộ với mức ý nghĩa thống kê $\alpha = 1\%$. Kết quả chỉ ra rằng đối với những hộ là dân tộc Kinh, họ sẽ quyết định đầu tư cao hơn so với những hộ là dân tộc Khmer, bởi lẽ quan điểm và phong tục tập quán khác nhau dẫn đến khả năng đầu tư cũng khác nhau. Một yếu tố thiết thực khác nữa là người dân tộc thường sống ở những vùng nông thôn, có mức thu nhập thấp, tiếng Việt kém và ít quan tâm đến giáo dục. Đồng quan điểm với nghiên cứu này là các nghiên cứu của Phạm Công Hữu, Phạm Lê Thông [2], [13] và giống kì vọng ban đầu.

- Biến giá trị tài sản: Biến độc lập này có ảnh hưởng ngược chiều với quyết định đầu tư của nông hộ cho giáo dục với mức ý nghĩa thống kê $\alpha = 1\%$. Kết quả ước lượng cho thấy tác động biên của biến “giá trị tài sản” gần như bằng 0. Kết quả chỉ ra rằng khi giá trị tài sản càng lớn thì quyết định đầu tư của nông hộ cho giáo dục càng giảm. Ngược với kì vọng ban đầu của Donkol et al. [9] thực tế tại địa bàn nghiên cứu, các nông hộ có nhiều giá trị tài sản đặc biệt là đất nông nghiệp, họ sẽ ưu tiên phát triển nông nghiệp nhằm tăng thu nhập và tiết kiệm chi phí hơn so với việc đầu tư cho con em đi học. Điều này có thể hiểu rằng nếu giá trị tài sản càng lớn thì họ sẽ mở rộng quy mô đầu tư, sản xuất là chủ yếu, nhưng chỉ một số thành phần nông hộ sẽ cho con em mình thôi học để làm việc tại nhà để tạo ra nguồn thu nhập. Do đó, quyết định đầu tư cho giáo dục của nông hộ sẽ giảm một phần nhỏ khi các nông hộ có giá trị tài sản cao.

- Biến khoảng cách: Biến độc lập này ảnh hưởng cùng chiều với quyết định đầu tư của nông hộ cho giáo dục với mức ý nghĩa thống kê $\alpha = 5\%$. Điều này có thể giải thích khi khoảng cách từ nhà đến trường càng gần thì quyết định đầu tư cho giáo dục càng cao và ngược lại, bởi vì khoảng cách càng gần trường sẽ tạo thuận lợi cho trẻ đến trường nhiều hơn, thuận tiện hơn. Thực tế thì, do họ không phải chịu thêm các khoản chi phí như đi lại, ăn ở, thời gian,... nên số tiền chi tiêu cho giáo dục không tăng thêm. Vì vậy, quyết định đầu tư cho giáo dục của họ sẽ cao hơn những hộ có khoảng cách xa trường học.

- Biến học phí: Biến độc lập này ảnh hưởng cùng chiều với biến phụ thuộc ở mức ý nghĩa α

= 10%. Kết quả ước lượng cho thấy mức học phí càng tăng thì nông hộ sẽ phải đầu tư nhiều hơn. Điều này cho thấy khi mức học phí tăng là một tín hiệu về nhu cầu và ý thức của người dân đang tăng theo cơ chế thị trường hiện nay. Đồng quan điểm với nghiên cứu này, nghiên cứu của Meng Zhao et al., Tilak et al. [7], [8] cho thấy rằng biến học phí có vai trò rất quan trọng trong việc chi tiêu của hộ gia đình trong nghiên cứu của họ và giống với kì vọng ban đầu.

- Biến tình trạng gia đình: Biến độc lập này ảnh hưởng ngược chiều với quyết định đầu tư của nông hộ cho giáo dục với mức ý nghĩa $\alpha = 1\%$. Điều này cho thấy, những hộ có điều kiện kinh tế và thu nhập tốt, ổn định thì mức đầu tư cho giáo dục của họ cao hơn và ngược lại. Tương tự kết quả nghiên cứu của Mauldin et al., Tilak et al. [6], [7] và giống kì vọng ban đầu, chúng ta có thể giải thích là trong vùng khảo sát, do một số hộ có hoàn cảnh gia đình tương đối khó khăn và một số hộ có hoàn cảnh ổn định nên sự quan tâm và đầu tư cho giáo dục của họ cho con em mình khác nhau.

Ngoài ra, các biến còn lại như học vấn chủ hộ, tuổi chủ hộ, học thêm, hỗ trợ giáo dục, tổng số đi học, vị trí không có ý nghĩa thống kê hay nói cách khác chưa đủ bằng chứng để kết luận các biến này có tác động đến quyết định đầu tư cho giáo dục của nông hộ trên địa bàn Trà Vinh.

C. Các yếu tố ảnh hưởng đến số tiền chi tiêu cho giáo dục của các nông hộ tại địa bàn tỉnh Trà Vinh

Sau khi nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư cho giáo dục của nông hộ, bài viết tiếp tục xác định các yếu tố ảnh hưởng đến số tiền chi tiêu dựa trên 170 nông hộ có quyết định chi tiêu cho giáo dục trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Biến phụ thuộc trong mô hình là số tiền chi tiêu cho giáo dục của nông hộ (triệu đồng). Các biến giải thích là vị trí, thu nhập, học thêm, học vấn chủ hộ, tổng số đi học, tình trạng gia đình, học phí, số năm sinh sống tại địa phương.

Theo kết quả hồi quy, các biến thu nhập, học thêm, học phí và tổng số đi học có ý nghĩa. Các kiểm định tính phù hợp của mô hình, hiện tượng đa cộng tuyến ($Vif < 10$), tự tương quan, phương sai sai số thay đổi đã thực hiện cho thấy không

có hiện tượng vi phạm với điều kiện các yếu tố khác không đổi.

- **Biến học thêm:** Biến độc lập này có tác động cùng chiều với số tiền chi tiêu cho giáo dục của nông hộ, hệ số ước lượng mang dấu dương với mức ý nghĩa $\alpha = 10\%$. Kết quả ước lượng cho thấy nếu nông hộ có người đi học thêm sẽ chi nhiều hơn các hộ không có người đi học thêm trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay, việc học thêm rất quan trọng đối với học sinh. Tuy nó làm gia tăng chi phí cho giáo dục cũng như chi phí chung của gia đình nhưng hoạt động này hết sức cần thiết và có ý nghĩa đặc biệt đối với học sinh ở các cấp học cao. Do đó, nó được các gia đình có điều kiện quan tâm và cân nhắc nhiều hơn. Tương tự, nghiên cứu của Khổng Tiến Dũng và Phạm Lê Thông [5] cho thấy việc học thêm có tác động tích cực trong mô hình nghiên cứu của họ và giống kì vọng ban đầu.

Bảng 5. Kết quả ước lượng mô hình theo phương pháp bình phương nhỏ nhất

Biến Số	Hệ số ước lượng	dY/dX	Giá trị t	VIF
HANGSO	2,148	2,148	1,67	-
VITRI	-0,003	-0,003	-0,00	1,258
THUNHAP	0,135	0,135	1,90*	1,133
HOCTHEM	0,935	0,935	1,70*	1,148
HVCH	-0,377	-0,377	-0,60	1,195
TONGSODIHOC	1,116	1,116	2,53**	1,434
TTGD	-1,114	-1,114	-1,54	1,058
HOCPHI	0,000	0,000	2,95***	1,197
SONAMSINHSONG	-0,013	-0,013	-0,57	1,400

R^2 hiệu chỉnh 0,762

ANOVA: F: 53,3***

d = 1,932

Hệ số tương quan hạng Spearman có sig. từ 0,63 đến 0,82

Số quan sát : 170

*Ghi chú: *, **, *** lần lượt với mức ý nghĩa 10%, 5%, 1%, còn lại không có ý nghĩa. (Nguồn: Khảo sát thực tế của Tác giả, 2017)*

- **Biến học phí:** Biến độc lập này có tác động cùng chiều với số tiền chi tiêu cho giáo dục của nông hộ với mức ý nghĩa $\alpha = 1\%$. Điều này có thể hiểu hiện tại mức học phí tăng theo cơ chế thị trường và tăng ở các bậc học của trẻ. Cụ thể,

số tiền mà các nông hộ chi tiêu cho một thành viên đi học sẽ tăng qua mỗi năm. Kết quả nghiên cứu Meng Zhao et al., Tilak et al. [7], [8] cũng cho rằng số chi phí chung cho giáo dục tăng cao là do giá tiền của chi học phí và các chi phí khác tăng và giống với kì vọng ban đầu.

- **Biến tổng số đi học:** Đây là một trong những biến ảnh hưởng mang tính quyết định đến số tiền chi tiêu giáo dục của nông hộ. Biến độc lập này tác động cùng chiều với biến phụ thuộc với mức ý nghĩa $\alpha = 5\%$. Điều này có thể giải thích rằng, khi số thành viên trong gia đình đi học nhiều thì số tiền chi tiêu cho giáo dục của nông hộ bỏ ra sẽ cao hơn. Giống với nghiên cứu của Khổng Tiến Dũng và Phạm Lê Thông, Elif Öznur Acarc [5], [11], các nghiên cứu này cho thấy biến tổng số nam, nữ đi học trong gia đình có tác động mạnh mẽ đến chi tiêu giáo dục, giống với kì vọng ban đầu.

- **Biến thu nhập:** Biến độc lập này ảnh hưởng cùng chiều với số tiền chi tiêu giáo dục của nông hộ với mức ý nghĩa $\alpha = 10\%$ và giống với kì vọng ban đầu. Giống với nghiên cứu này, nghiên cứu Phạm Công Hữu, Khổng Tiến Dũng, Weichi et al. [2], [5], [10] nhận thấy rằng các nông hộ có thu nhập cao thì khả năng tài chính chi tiêu cho giáo dục của họ cao hơn và ngược lại.

Ngoài ra, các biến còn lại: vị trí, học vấn chủ hộ, tình trạng gia đình, số năm sinh sống, không có ý nghĩa thống kê hay nói cách khác chưa đủ bằng chứng để kết luận các biến này có ảnh hưởng đến số tiền chi tiêu cho giáo dục của nông hộ tại địa bàn tỉnh Trà Vinh.

V. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Bài viết phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu cho giáo dục của nông hộ tại địa bàn tỉnh Trà Vinh. Kết quả phân tích mô hình Heckman hai bước cho thấy, thu nhập càng cao sẽ càng góp phần làm tăng đáng kể khoản chi tiêu cho giáo dục của nông hộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Ngoài ra, các yếu tố như học thêm, học phí, tổng số đi học cũng góp phần làm tăng mức chi tiêu này. Bên cạnh đó, học phí, khoảng cách, dân tộc ảnh hưởng cùng chiều đến quyết định đầu tư cho giáo dục, nhưng ngược lại, các biến giá trị tài sản và tình trạng gia đình lại tác động ngược chiều.

Dựa vào kết quả nghiên cứu, tác giả khuyến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả

của việc chi tiêu cho giáo dục của nông hộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh như sau:

Thứ nhất, cần có các chính sách ưu đãi hỗ trợ vốn sản xuất, kinh doanh phát triển kinh tế để nông hộ nâng cao thu nhập, cải thiện tình trạng kinh tế gia đình, từ đó góp phần đầu tư cho giáo dục theo xu hướng đổi mới hiện nay.

Thứ hai, nâng cao công tác tuyên truyền, vận động những gia đình là người dân tộc Khmer đầu tư cho giáo dục nhằm khắc phục được một số trường hợp bỏ học, tăng số học sinh đến trường.

Thứ ba, các cơ quan, sở ban ngành, nhà trường cần có sự quan tâm, hỗ trợ những gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhằm giảm bớt gánh nặng số tiền chi tiêu cho học phí và việc học thêm để nâng cao khả năng đầu tư cho giáo dục của nông hộ. Bên cạnh đó, nó còn góp phần vào sự ổn định kinh tế - chính trị - xã hội của từng khu vực nói riêng và địa bàn tỉnh Trà Vinh nói chung.

Thứ tư, Sở Giáo dục và Đào tạo trong tỉnh cần phải quan tâm, bố trí mở rộng thêm các địa điểm trường học, chi nhánh phù hợp tạo điều kiện cho việc nhập học của trẻ được thuận tiện và nâng cao được khả năng đầu tư cho giáo dục của nông hộ hiện tại và tương lai theo sự phát triển của xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tổng cục thống kê. *Niên giám thống kê*. Nhà Xuất bản Thống kê; 2016.
- [2] Phạm Công Hữu, Thạch Ngọc Tuấn. Nguyên nhân và nhân tố ảnh hưởng đến sự bỏ học của học sinh dân tộc Khmer ở huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. *Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục*. 2016;44:45-55.
- [3] Báo tuổi trẻ 2016. *Trà Vinh có tỉ lệ học sinh THCS, THPT bỏ học cao nhất toàn quốc*; 2012; tr. 163-170, 484 - 490. Truy cập từ: <https://careerbuilder.vn/.../tra-vinh-co-ti-le-hoc-sinh-thcs-thpt-bo-hoc-cao-nhat-toan-quoc> [Ngày truy cập: 20/8/2017].
- [4] Phúc Sơn. *Đẩy mạnh giáo dục, đào tạo trong vùng dân tộc Khmer*; 2012; tr. 163-170, 484 - 490. Truy cập từ: <https://baotintuc.vn.19.11.2012> [Ngày truy cập: 20/8/2017].
- [5] Khổng Tiên Dũng, Phạm Lê Thông. Các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu cho giáo dục của người dân ở Đồng Bằng Sông Cửu Long. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*. 2014;9(412):63-69.
- [6] Mauldin và cộng sự. Households living in the North-east and the USA West spending less on education than households living in the South. *Journal of Family and Economic Issues*. 2001;22:221-241.
- [7] Tilak Jandhyala B G. Determinants of household expenditure on education in rural India. *National Council of Applied Economic Research*. 2002;22. NCAER Working Paper Series.
- [8] Meng Zhao, Paul Glewwe. Factors that affect the Admission of individuals in rural households in China. *World Dev*. 2007;27(5):887-902.
- [9] Donkol, Amikuzunol. Factors influencing education expenditure in Ghana. *Educational Research Reviews*. 2007;6:40-52.
- [10] Weichi, Xiaoye QIAN. An empirical study of household child education expenditure in China, 2007 and 2011. *China Economic Review*. 2015; Truy cập từ: <http://dx.doi.org/10.1016/j.chieco.2015.11.008> [Ngày truy cập: 21/8/2017].
- [11] Elif Öznur Acarc. An empirical analysis of household education expenditures in Turkey. *International Journal of Educational Development* . 2016;51:23-35. Truy cập từ: <http://dx.doi.org/10.1016/j.chieco.2015.11.008> [Ngày truy cập: 21/8/2017].
- [12] Đào Thị Yến Nhi. *Đánh giá tác động của đặc điểm hộ gia đình đến chi tiêu giáo dục trung học của hộ gia đình Việt Nam*; 2013.
- [13] Phạm Lê Thông, Lê Thanh Hoàng Huy. Chi tiêu cho xổ số kiến thiết của người dân Thành Phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 2013;28:64-70. Truy cập từ: <http://dx.doi.org/10.1016/j.chieco.2015.11.008> [Ngày truy cập: 21/8/2017].
- [14] Heckman J J. *Sample Selection Bias as a Specification Error*. vol. 47; 1979: p. 153, 155 - 161.